ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

ĐINH NGỌC THƯƠNG

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA TRONG KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SỸ LUẬT HỌC

Chuyên ngành: **Luật Kinh tế**

Mã số: **60.38.01.07**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS ĐOÀN ĐỨC LƯƠNG

Thừa Thiên Huế, năm 2016

Công trình được hoàn thành tại Trường Đại học Luật - Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Đoàn Đức Lương**

Phản biện 1: .....:.....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài 1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài 2
3. Đối tượng và Phạm vi nghiên cứu 2
4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu 3
5. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu 3
6. Kết cấu đề tài 4
Chương 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA VÔ HIỆU TRONG KINH DOANH THƯƠNG MẠI 5
1.1. Tổng quan về hợp đồng mua bán hàng hóa 5
1.1.1. Hàng hóa và mua bán hàng hóa 5
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng 5
1.1.2.1. Khái niệm hợp đồng 5
1.1.2.2. Đặc điểm của hợp đồng 6
1.1.3. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa 6
1.1.3.1. Hợp đồng mua bán hàng hóa 6
1.1.3.2. Đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa 7
1.1.4. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng mua bán hàng hóa 7
1.2. Tổng quan về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu 8
1.2.1. Khái niệm về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu 8
1.2.2. Đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu 8
1.2.3. Phân loại hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu 9
1.2.3.1. Hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu toàn bộ và vô hiệu một phần 9
1.2.3.2. Hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu tuyệt đối và vô hiệu tương đối 9
1.3. Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu 10
1.3.1. Căn cứ pháp lý để yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu 10
1.3.2. Người có thẩm quyền yêu tuyên bố hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu 11
1.3.3. Tuyên bố hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý 11
1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc xác lập, giải quyết hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu 12
Chương 2 PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA VÔ HIỆU 13
2.1. Căn cứ pháp lý và chủ thể có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu 13
2.1.1. Căn cứ pháp lý 13
2.1.2. Chủ thể có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu 13

2.2. Các trường hợp hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu 13
2.2.1. Hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội.....13
2.2.2. Hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu do giả tạo.....14
2.2.3. Hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện.....14
2.2.4. Hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu do bị nhầm lẫn.....14
2.2.5. Hợp đồng mua bán vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép 15
2.2.6. Hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu do người xác lập không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình.....15
2.2.7. Hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu do không tuân thủ hình thức 15
2.3. Hậu quả pháp lí của hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu.....16
2.3.1. Hậu quả pháp lí đối với các bên tham gia hợp đồng.....16
2.3.2. Hậu quả pháp lí đối với người thứ ba liên quan đến hợp đồng.....16
2.4. Thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu 17
Chương 3 THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA VÔ HIỆU.....18
3.1. Thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật hiện hành về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu.....18
3.1.1. Kết quả đạt được qua việc áp dụng pháp luật về HĐMBHH vô hiệu ở Việt Nam.....18
3.1.2. Những hạn chế trong việc áp dụng các quy định của BLDS 2005 và các văn bản có liên quan về HĐMBHH vô hiệu 18
3.1.2.1. Hạn chế từ quy định pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu.....18
3.2. Nhu cầu và một số giải pháp hoàn thiện pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu 19
3.2.1. Nhu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu trong kinh doanh thương mại.....19
3.2.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện các pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu.....19
3.2.2.1. Kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu.....19
3.2.2.2. Giải pháp về tổ chức thực hiện pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu.....21
PHẦN KẾT LUẬN 23

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Xu hướng chung của nền kinh tế thế giới hiện nay là xu hướng toàn cầu hóa và khu vực hóa đời sống kinh tế quốc tế. Sự liên kết về kinh tế và thương mại diễn ra ở cả cấp độ toàn cầu và cấp độ khu vực. Tất cả các quốc gia đều phải đối mặt với xu hướng này và đang tìm cách hội nhập nền kinh tế của mình với nền kinh tế thế giới. Việt Nam đã tham gia hội nhập APTA, WTO, TPP… và đang đứng trước xu hướng đó với những cơ hội và thách thức lớn nhất định nhưng có thể khẳng định rằng, trong những năm qua, chính sách hội nhập quốc tế đã tạo ra những thuận lợi nhất định cho sự thành công của sự nghiệp đổi mới đất nước.

Từ lâu, hợp đồng đã trở thành một công cụ pháp lý để xác lập quan hệ của các chủ thể phát sinh từ các giao lưu dân sự, kinh tế. Hợp đồng có một vai trò hết sức quan trọng, nó được thể hiện trong hầu hết các quan hệ của các bên trong nhiều lĩnh vực.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, khi mà các quan hệ dân sự kinh tế ngày càng trở nên phức tạp và mở rộng, mua bán hàng hóa lại là hoạt động chính trong hoạt động thương mại và được thể hiện dưới hình thức hợp đồng mua bán hàng hóa. Hợp đồng mua bán hàng hóa có vai trò quan trọng trong nền kinh tế cũng như đời sống xã hội như: là công cụ, là cơ sở để xây dựng và thực hiện kế hoạch của chính các chủ thể kinh doanh, là cơ sở để giải quyết các tranh chấp xảy ra, mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới,…

Khi giao kết hợp đồng thì chủ thể đều muốn hợp đồng đảm bảo được tính pháp lý của hợp đồng để dễ dàng thực hiện, để đảm bảo mang lại lợi nhuận cũng như tăng cường hợp tác, phát triển các mối quan hệ đối tác. Tuy nhiên, vì nhiều lí do khách quan cũng như chủ quan mà hợp đồng giao kết có thể bị tuyên là vô hiệu. Để giải quyết vấn đề này cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên pháp luật đã quy định về HĐMBHH vô hiệu. Thế nhưng hoạt động mua bán hàng hóa là hoạt động cốt lõi của hoạt động thương mại mà Luật Thương mại hiện hành lại không quy định về vấn đề này, tuy nhiên lại được cụ thể trong BLDS hiện hành cũng như BLDS 2015.

Từ những lí lẽ trên, theo mong muốn của tác giả, muốn đánh giá sự thay đổi của BLDS 2015 trong quy định về HĐMBHH, cũng như các quy định về HĐMBHH ở các văn bản pháp luật khác nên tác giả đã lựa chọn đề tài: *"**Hợp đồng mua bán hàng hóa trong kinh doanh thương mại vô hiệu theo pháp luật Việt Nam**"*. Đây là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp thiết trong giải quyết tranh chấp HĐMBHH vô hiệu trong tình hình hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Khoa học Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu đề cập tới các vấn đề khác nhau của hợp đồng như: luận án tiến sĩ *"Chế độ hợp đồng trong nền kinh tế thị trường ở giai đoạn hiện nay"* của tác giả Phạm Hữu Nghị, Hà Nội (1996); đề tài luận án tiến sĩ: *"Hiệu lực của hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam"*, tác giả Lê Minh Hùng (2010).

Ngoài ra, còn có nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, các hội nghị như: *"Bàn về hợp đồng vô hiệu do được giao kết bởi người mất năng lực hành vi dân sự qua một vụ án"* của PGS.TS. Đỗ Văn Đại*; "Xử lý hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực thương mại"* của Phạm Nguyên Linh (2008), Tạp chí luật học số 11/2008; *"Chế độ hợp đồng dân sự vô hiệu trước yêu cầu sửa đổi bổ sung của BLDS 2005"* của Bùi Thanh Hằng, Tạp chí luật học 11/2008; *"Chuyên đề thực tiễn ký kết và thực hiện hợp đồng khi bị xác định là vô hiệu theo quy định của Bộ luật dân sự"* của La Minh Tường (TAND tỉnh Thừa Thiên Huế).

Bên cạnh đó, còn có các bài khóa luận như: *"Các trường hợp vô hiệu của hợp đồng thương mại: lý luận và thực tiễn tài phán"* của Nguyễn Như Dạ Ngọc (2009); *"Hợp đồng mua bán hàng hóa theo Luật Thương mại Việt Nam" của Nguyễn Thị Lý (2006)…*

Những công trình khoa học trên là tài liệu vô cùng quý giá, và là một trong những căn cứ giúp tác giả có thêm nhiều thông tin quan trọng để phục vụ cho việc nghiên cứu luận văn của mình. Các công trình nghiên cứu trên chỉ đi vào vấn đề chung, không nghiên cứu cụ thế và toàn diện về HĐMBHH vô hiệu theo quy định của pháp luật nước ta. Theo đó, việc lựa chọn đề tài *"Hợp đồng mua bán hàng hóa trong kinh doanh thương mại vô hiệu theo pháp luật Việt Nam"* để nghiên cứu hoàn toàn là chủ ý của tác giả.

3. Đối tượng và Phạm vi nghiên cứu

❖ Đối tượng nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu bao gồm cơ sở lý luận, đánh giá pháp luật thực định và thực tiễn áp dụng.

❖ Phạm vi nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu cơ sở lý luận quy định pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu trong BLDS 2005, BLDS 2015, Luật Thương mại 2005 và các văn bản liên quan khác. Đề tài nghiên cứu giữa các chủ thể trong nước, không có yếu tố nước ngoài.

Đề tài nghiên cứu trong phạm vi cả nước, trong thời gian từ năm 2010 đến năm 2015.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

❖ Phương pháp luận

Để giải quyết các yêu cầu mà đề tài đặt ra, trong quá trình nghiên cứu luận văn đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phương pháp nghiên cứu khoa học biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin.

❖ Phương pháp nghiên cứu: Luận văn đã sử dụng các phương pháp cụ thể:

- Phương pháp phân tích, tổng hợp: Nhằm làm sáng tỏ vấn đề lý luận cơ bản về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu.

- Phương pháp điều tra, bình luận: Đưa ra các ví dụ thực tế để phân tích việc áp dụng luật, cũng như bình luận các bản án, nhằm đánh giá việc thực hiện pháp luật trong thực tế.

- Phương pháp so sánh: Các quy định pháp luật Việt Nam với pháp luật một số nước trên thế giới, so sánh pháp BLDS 2015 với BLDS 2005 để làm rõ vấn đề cần phân tích.

- Phương pháp phân tích đánh giá: Để đánh giá pháp luật và tìm ra những hạn chế của pháp luật quy định chưa phù hợp, nhằm đưa ra một số hướng giải quyết cụ thể.

5. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

❖ Mục đích nghiên cứu

Đề tài có các mục đích sau đây: Nghiên cứu các cơ sở lý luận, phân tích đánh giá các quy định của pháp luật hiện hành và thực tế áp dụng pháp luật, từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật về HĐMBHH vô hiệu.

❖ Nhiệm vụ nghiên cứu: Để đạt được nội dung trên, đề tài có các nhiệm vụ sau đây:

- Làm rõ các khái niệm.

- Phân tích quy định pháp luật về HĐMBHH vô hiệu trong kinh doanh thương mại.

- Đánh giá thực trạng pháp luật về HĐMBHH vô hiệu trong kinh doanh thương mại.

- Đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật về HĐMBHH vô hiệu trong kinh doanh thương mại.

- Đưa ra các giải pháp tổ chức thực hiện pháp luật về HĐMBHH vô hiệu trong kinh doanh thương mại.

6. Kết cấu đề tài

Ngoài phần mục lục, mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung đề tài được kết cấu gồm có 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lí luận về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu trong kinh doanh thương mại.

Chương 2. Pháp luật hiện hành về mua bán hàng hoá vô hiệu trong kinh doanh thương mại.

Chương 3. Thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật Việt Nam về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu trong kinh doanh thương mại và một số kiến nghị, giải pháp.

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA VÔ HIỆU TRONG KINH DOANH THƯƠNG MẠI

1.1. Tổng quan về hợp đồng mua bán hàng hóa

1.1.1. Hàng hóa và mua bán hàng hóa

Trong kinh tế chính trị Mác-Lenin, hàng hóa cũng được định nghĩa là sản phẩm của lao động thông qua trao đổi, mua bán. Hàng hóa có thể là hữu hình như sắt thép, quyển sách hay ở dạng vô hình như sức lao động[1].

Luật Thương mại 2005 quy định hàng hóa bao gồm: Tất cả các loại động sản, kể cả động sản hình thành trong tương lai, những vật gắn liền với đất đai. Hàng hóa có hai giá trị:

Một là, giá trị sử dụng của hàng hóa là ích dụng của hàng hóa thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người. Ví dụ, công dụng của một cái kéo là để cắt nên giá trị sử dụng của nó là để cắt; công dụng của bút để viết nên giá trị sử dụng của nó là để viết. Một hàng hóa có thể có một công dụng hay nhiều công dụng nên nó có thể có nhiều giá trị sử dụng khác nhau.

*Hai là, g*iá trị của hàng hóa là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa. Cả quần áo và thóc lúa đều là sản phẩm của quá trình sản xuất thông qua lao động, là sản phẩm của lao động, có lao động kết tinh vào trong đó. Có sự chi phí về thời gian, sức lực và trí tuệ của con người khi sản xuất chúng.

Theo khoản 8 Điều 3 Luật Thương mại 2005 thì mua bán hàng hoá là hoạt động thương mại, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và nhận thanh toán; bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán, nhận hàng và quyền sở hữu hàng hoá theo thỏa thuận.

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng

1.1.2.1. Khái niệm hợp đồng

Ngày nay, hợp đồng là công cụ pháp lý quan trọng và phổ biến để con người thực hiện các giao dịch nhằm thỏa mãn hầu hết mọi nhu cầu trong đời sống xã hội. Tuy vậy, trong lịch sử lập pháp của nhân loại, để tìm ra một thuật ngữ chính xác, như thuật ngữ "hợp đồng" đang được sử dụng ở nhiều quốc gia hiện nay là việc không mấy dễ dàng. Nhiều quốc gia cho rằng thuật ngữ " hợp đồng" (contractus) hình thành từ động từ "contrahere" trong tiếng La- tinh, có nghĩa là "ràng buộc" , và xuất hiện lần đầu ở La Mã vào khoảng thế kỷ V-IV trước công nguyên[2].

---

[1] *[Từ điển tiếng Việt] https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0ng_h%C3%B3a*

[2] *Nguyễn Ngọc Khánh, "chế định hợp đồng trong Bộ Luật Dân sự Việt Nam," NXB Tư pháp, 2007*

Ở Việt Nam, trong thực tế đời sống, có rất nhiều thuật ngữ khác nhau được sử dụng để chỉ về hợp đồng như: khế ước, giao kèo, văn tự, văn khế, tờ giao ước, tờ ưng thuận, chấp thuận… Sau này, các văn bản hiện hành của nhà nước ta không còn được sử dụng thuật ngữ "khế ước", hay "hiệp ước" như trước đây mà sử dụng các thuật ngữ có tính "chức năng", "công cụ"[3] như hợp đồng dân sự, hợp đồng lao động, hợp đồng thương mại. Đây là điểm cá biệt bởi trong pháp luật của nhiều nước, người ta chỉ sử dụng thuật ngữ "hợp đồng" nói chung, chứ không sử dụng thuật ngữ HĐDS, HĐTM, HĐLĐ… một cách cụ thể như pháp luật Việt Nam.

Khác với BLDS 2005 khái niệm về HĐDS thì BLDS 2015 đưa ra khái niệm về hợp đồng nói chung, theo Điều 385 BLDS 2015 thì Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia thỏa thuận.

1.1.2.2. Đặc điểm của hợp đồng

Dù được hình thành trong lĩnh vực quan hệ xã hội nào thì hợp đồng luôn có những đặc điểm chung: hợp đồng là sự thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện của các bên tham gia hợp đồng, hợp đồng phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết, các quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng chủ yếu gắn bó với lợi ích vật chất của các bên giao kết.

Thứ nhất, hợp đồng là sự thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện của các bên tham gia giao kết.

Thứ hai, hợp đồng làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết.

Thứ ba, các quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng chủ yếu gắn với lợi ích vật chất của các bên giao kết.

1.1.3. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa

1.1.3.1. Hợp đồng mua bán hàng hóa

Mua bán hàng hóa theo khoản 8 Điều 3 Luật Thương mại 2005 quy định đó là hoạt động thương mại, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và nhận thanh toán; bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán, nhận hàng và quyền sở hữu hàng hóa theo thỏa thuận.

Như vậy, HĐMBHH được hiểu như sau: HĐMBHH là hợp đồng xác lập (hay ký kết) giữa các bên (bên mua và bên bán), thỏa mãn về hình thức theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thương mại 2005, trong đó đối tượng của HĐMBHH là hàng hóa được phép mua bán theo quy định của pháp luật.

---

[3] *Nguyễn Ngọc Khánh, hợp đòng, Thuật ngữ và khái niệm, Nhà nước và Pháp luật, số 8(220)/2006, trang 38*

1.1.3.2. Đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa

Có thể xem xét các đặc điểm của HĐMBHH trong mối liên hệ với hợp đồng mua bán tài sản theo nguyên lý giữa cái riêng và cái chung. Ngoài những đặc điểm giống nhau thì HĐMBHH có những đặc điểm riêng biệt như sau:

Thứ nhất, về chủ thể, HĐMBHH được thiết lập giữa các chủ thể là thương nhân.

Thứ hai, về hình thức HĐMBHH có thể được thể hiện dưới hình thức lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể của các bên giao kết. trong một số trường hợp nhất định, pháp luật bắt buộc các bên phải gioa kết hợp đồng dưới dạng văn bản, ví dụ như HĐMBHH quốc tế phải được thực hiện dưới hình thức văn bản hoặc bằng hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương như điện báo, telex, fax hay thông điệp dữ liệu.

Thứ ba, về đối tượng của HĐMBHH là hàng hóa. Theo nghĩa thông thường, hàng hóa là sản phẩm lao động của con người được tạo ra nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu của con người. Càng ngày cùng với sự phát triển của xã hội, hàng hóa trở nên phong phú. Khái niệm hàng hóa được quy định trong pháp luật các nước hiện nay dù có những khác biệt nhất định song đều có xu hướng mở rộng các đối tượng là hàng hóa được phép lưu thông.

1.1.4. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng mua bán hàng hóa

Các điều kiện có hiệu lực của HĐMBHH tuân theo các quy định của BLDS 2005 và BLDS 2015. Pháp luật không có quy định riêng về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng này. Do đó, các điều kiện có hiệu lực thể hiện:

"*1. Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:*

a) Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập.

b) Chủ thể tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện.

c) Mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

2. Hình thức giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch trong trường hợp pháp luật có quy định"[4]**.**

Theo đó có thể xác định, một HĐMBHH có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

Một là, chủ thể tham gia hợp đồng phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập để thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng. Ngoài năng lực pháp luật và năng lực

[4] *Điều 117 BLDS 2015*

hành vi dân sự, trong thực tiễn hoạt động mua bán, chủ thể tham gia hợp đồng chủ yếu là thương nhân. Do đó, khi tham gia hợp đồng mua bán nhằm mục đích lợi nhuận, các thương nhân phải đáp ứng điều kiện có đăng ký kinh doanh hợp pháp đối với hàng hóa được mua bán.

Hai là, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Ba là, Sự tự nguyện của các chủ thể, trong giao kết hợp đồng các bên phải hoàn toàn tự nguyện đó là tự do ý chí nhằm bảo đảm hiệu lực của hợp đồng trên thực tế phù hợp với ý chí đích thực của các bên. Nếu khác đi thì không còn là hợp đồng.

Bốn là, hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật (nếu pháp luật có quy định). Hợp đồng mua bán hàng hoá được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể. Đối với các loại hợp đồng mua bán hàng hoá mà pháp luật quy định phải được lập thành văn bản thì phải tuân theo các quy định đó. Theo đó, đối với những trường hợp pháp luật quy định hợp đồng phải được lập bằng văn bản hoặc các hình thức khác có giá trị tương đương thì các bên phải tuân thủ các quy định của pháp luật. Nếu các bên không lập bằng văn bản thì đó có thể được coi là căn cứ tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

1.2. Tổng quan về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu

1.2.1. Khái niệm về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu

Theo như phân tích ở trên thì HĐMBHH là hợp đồng xác lập (hay ký kết) giữa các bên (bên mua và bên bán), thỏa mãn về hình thức theo quy định của BLDS 2005 và BLDS 2015 và Luật Thương mại 2005, trong đó đối tượng của HĐMBHH là hàng hóa được phép mua bán theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng vô hiệu nói chung và HĐMBHH vô hiệu nói riêng là hợp đồng không có hiệu lực trên thực tế.

"Vô hiệu là không thể phát sinh ra một hiệu lực nào. Nếu trong sự kết lập mà các điều kiện hình thức cũng như về nội dung không được tôn trọng, khế ước đó phải được coi như không được kết lập và vì vậy không thể phát sinh một hiệu lực nào cả"[5].

1.2.2. Đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu

Một là, HĐMBHH vô hiệu phải là những hợp đồng vi phạm một trong các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng.

Hai là, HĐMBHH vi phạm điều kiện có hiệu lực có thể bị tuyên bố vô hiệu hoặc không bị tuyên bố vô hiệu.

Ba là, HĐMBHH bị tuyên bố vô hiệu không làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

---

[5] *Trần Trúc Linh, Danh từ pháp luật lược giả, NXB Khai Trí, trang 750.*

1.2.3. Phân loại hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu

HĐMBHH vô hiệu được phân thành HĐMBHH vô hiệu toàn bộ và vô hiệu một phần hoặc có thể phân thành vô hiệu tuyệt đối và vô hiệu tương đối. Vô hiệu toàn bộ dẫn đến hậu quả là hủy toàn bộ hợp đồng. Còn vô hiệu từng phần là hủy bỏ phần bị vô hiệu. Cách phân loại này được quy định khá rành mạch trong BLDS dân sự 2005 và được cụ thể hơn trong BLDS 2015. Cụ thể như sau:

1.2.3.1. Hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu toàn bộ và vô hiệu một phần

HĐMBHH vô hiệu toàn bộ là toàn bộ nội dung của HDMBHH đó vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội hoặc một trong các bên tham gia giao dịch đó không có quyền xác lập HĐMBHH.

"*HĐMBHH vô hiệu từng phần khi một phần nội dung của giao dịch vô hiệu nhưng không ảnh hưởng đến hiệu lực của phần còn lại của giao dịch*". (Điều 130 BLDS 2015).

Thông thường việc xác định phần giao dịch dân sự vô hiệu không ảnh hưởng đến phần khác dựa vào những tiêu chí sau:

- Giao dịch giữa các bên ký kết có phần là giao dịch dân sự vô hiệu, vì không đáp ứng đủ bốn điều kiện được quy định tại Điều 116 BLDS 2015, nhưng phần còn lại không bị vô hiệu;
- Kết cấu tài sản là đối tượng của giao dịch không bị ràng buộc với nhau,
- Trong giao dịch, hai phần này thể hiện tách bạch với nhau về các điều khoản của giao dịch như: giá cả, chất lượng, số lượng,…;
- Những thỏa thuận trong các phần của giao dịch, tuy có sự ràng buộc với nhau về quyền và nghĩa vụ, nhưng vẫn có thể phân định được.

1.2.3.2. Hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu tuyệt đối và vô hiệu tương đối

Vô hiệu tuyệt đối có dấu hiệu như sau: (1) chế tài vô hiệu nhằm bảo vệ quyền lợi công; (2) sự vô hiệu có thể được khiếu nại ra bởi bất kỳ người nào có một quyền lợi thực tế và hiện tại trong việc khiếu nại ra đó; (3) Tòa án có thể khiếu nại ra sự vô hiệu; (4) hợp đồng vô hiệu tuyệt đối không thể xác định lại được; và (5) vô hiệu tuyệt đối phải được quy định rõ ràng bởi luật. Bởi vô hiệu tuyệt đối nhằm bảo vệ quyền lợi công, do đó nó kéo theo các đặc điểm khác nhau.

Vô hiệu tương đối có các dấu hiệu sau đây: (1) chế tài vô hiệu nhằm bảo vệ quyền lợi tư; (2) sự vô hiệu chỉ có thể khiếu nại ra bởi các đương sự với điều kiện đã có thể gánh chịu thiệt hại và đã hành động thiện chí; (3) Tòa án không thể khiếu nại ra sự vô hiệu; và (4) hợp đồng

vô hiệu tương đối có thể xác nhận lại được. Bởi vô hiệu tương đối là một chế tài nhằm bảo vệ quyền lợi tư, dó đó các đặc điểm kéo theo của loại chế tài này khác biệt so với chế tài vô hiệu tuyệt đối[6]. HĐMBHH vô hiệu tương đối trong các trường hợp sau:

a) Khi hợp đồng được xác lập bởi người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự (Điều 125 BLDS 2015);

b) Khi hợp đồng được xác lập do bị nhầm lẫn (Điều 126 BLDS 2015);

c) Khi một bên chủ thủ thể tham gia xác lập giao dịch do bị lừa dối, đe dọa (Điều 127 BLDS 2015);

d) Khi người xác lập hợp đồng đủ năng lực hành vi dân sự nhưng đã xác lập hợp đồng tại thời điểm không nhận thức được hành vi của mình (Điều 128 BLDS 2015).

❖ HĐMBHH được gọi là vô hiệu tuyệt đối trong các trường hợp sau:

a) Khi vi phạm vào các điều cấm của pháp luật, trái với đạo đức xã hội (Điều 123 BLDS 2015);

b) Khi hợp đồng được xác lập một cách giả tạo nhằm che dấu một hợp đồng khác hoặc nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với người thứ ba (Điều 124 BLDS 2015);

c) Khi hình thức của hợp đồng không tuân thủ các quy định bắt buộc của pháp luật (Điều 129 BLDS 2015).

1.3. Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu

1.3.1. Căn cứ pháp lý để yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu

Để xác định HĐMBHH vô hiệu phải dựa trên cơ sở các căn cứ theo quy định của pháp luật. Căn cứ để tuyên bố HĐMBHH vô hiệu dựa trên cơ sở quy định của pháp luật dân sự (BLDS 2005, BLDS 2015), các luật chuyên ngành (Luật Thương mại),... trong trường hợp:

Một là, HĐMBHH vi phạm điều kiện chủ thể do pháp luật quy định.

Hai là, HĐMBHH vi phạm điều cấm của pháp luật.

Ba là, HĐMBHH giả tạo, bị lừa dối, bị cưỡng ép.

Bốn là, trong một số trường hợp vi phạm điều kiện hình thức là căn cứ yêu cầu tuyên bố HĐMBHH vô hiệu. Về hình thức của hợp đồng, về cơ bản dựa trên cơ sở lựa chọn của các chủ thể, trong một số trường hợp pháp luật quy định bắt buộc phải tuân theo điều kiện hình thức bằng văn bản và bằng văn bản có công chứng.

[6] *PGS.TS Ngô Huy Cương (2015), Giáo trình luật hợp đồng phần chung, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, trang 354.*

1.3.2. Người có thẩm quyền yêu tuyên bố hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu

Chủ thể có quyền yêu cầu tuyên bố HĐMBHH vô hiệu chủ yếu là các bên tham gia hợp đồng, trong đó bao gồm:

- Bên mua: Bên mua là chủ thể của hợp đồng, có các quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận. Trong trường hợp bên mua cho rằng có căn cứ tuyên bố HĐMBHH vô hiệu thì yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Chẳng hạn, bên mua cho rằng bên bán đã lừa dối giao hàng khác hoàn toàn như đã thỏa thuận ban đầu,...

- Bên bán: Cũng là chủ thể của hợp đồng, có các quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận. Bên bán cho rằng có căn cứ yêu cầu tuyên bố HĐMBHH vô hiệu thì nộp đơn đến Tòa án có thẩm quyền. Chẳng hạn, bên bán có căn cứ là HĐMBHH bị nhầm lẫn đối tượng và gây thiệt hại cho mình.

- Người đại diện của các chủ thể: Về nguyên tắc đối với hợp đồng nói chung và HĐMBHH nói riêng thì chủ thể phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Trong trường hợp người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự xác lập hợp đồng dẫn đến hợp đồng bị vô hiệu thì chủ thể có quyền yêu cầu là người đại diện theo pháp luật của những người này. Pháp luật Việt Nam quy định rõ quyền của người đại diện trong đó có quyền yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

1.3.3. Tuyên bố hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý

- Tuyên bố HĐMBHH vô hiệu: Khi có đủ căn cứ thì Tòa án áp dụng quy định của pháp luật dân sự và pháp luật thương mại tuyên bố HĐMBHH vô hiệu. Thời điểm HĐMBHH vô hiệu tính từ thời điểm giao kết hợp đồng và không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Tuy nhiên, trước thời điểm hợp đồng bị tuyên bố vô hiệu các chủ thể đã thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng nên phải giải quyết hậu quả pháp lý đối với hợp đồng vô hiệu.

- Hậu quả pháp lý của việc tuyên bố HĐMBHH vô hiệu: Khi tuyên bố HĐMBHH vô hiệu thì khó khăn nhất là giải quyết hậu quả pháp lý. Việc giải quyết hậu quả này không chỉ liên quan đến hai bên tham gia hợp đồng mà còn liên quan đến người thứ ba (nếu hàng hóa đó đã chuyển cho người thứ ba).

Pháp luật Việt Nam giải quyết hậu quả pháp lý đối với HĐMBHH vô hiệu dựa trên nguyên tắc: "các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, trả cho nhau những gì đã nhận như thời điểm xác lập hợp đồng".

- *"Hoàn trả cho nhau những gì đã nhận"*: Việc trả cho nhau những gì đã nhận xem như một nguyên tắc được quy định cụ thể khi giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu nói chung và HĐMBHH vô hiệu nói riêng. Trường hợp này chỉ áp dụng khi tài sản là hàng hóa đang còn thì mới có thể trả cho nhau. Trong trường hợp hàng hóa không còn tồn tại nữa thì tính giá trị bằng tiền để thanh toán. Tuy nhiên, theo chúng tôi khi giải quyết không nên máy móc phải theo y nguyên như quy định của luật. Trong trường hợp hàng hóa còn tồn tại nhưng các bên thống nhất thanh toán cho nhau bằng tiền thì vẫn được chấp nhận.

Ngoài hàng hóa là đối tượng của hợp đồng thì có những hàng hóa trong quá trình vận hành tạo ra như hoa lợi, lợi tức thì cũng xem xét hợp lý để giải quyết.

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc xác lập, giải quyết hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu

Thứ nhất, văn bản luật chưa hoàn chỉnh và chưa có sự thống nhất.

Thứ hai, nhiều quy định chưa khoa học và chưa hợp lý.

Thứ ba, pháp luật việt Nam chưa tương thích với pháp luật quốc tế.

Thứ tư, do sự không hiểu biết pháp luật của các chủ thể tham gia xác lập HĐMBHH, cụ thể như là:

- *Chủ thể trực tiếp giao kết hợp đồng*
- *Hình thức và nội dung của hợp đồng*
- *Căn cứ giao kết hợp đồng*

Chương 2
PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA VÔ HIỆU

2.1. Căn cứ pháp lý và chủ thể có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu

2.1.1. Căn cứ pháp lý

Thứ nhất, BLDS 2005 và BLDS 2015 (đã được thông qua ngày 24/11/2015 có hiệu lực ngày 1/1/2017).

Thứ hai, Luật Thương mại 2005.

Thứ ba, Luật Doanh nghiệp 2014.

Thứ tư, các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Bên cạnh các văn bản luật điều chỉnh về HĐMBHH vô hiệu còn có các văn bản đó là: Nghị định 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 hướng dẫn thi hành Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện…

2.1.2. Chủ thể có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu

Chủ thể có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu nói chung cũng được áp dụng cho HĐMBHH vô hiệu nói riêng và được quy định trong từng trường hợp cụ thể:

Thứ nhất, chủ thể là người đại diện hợp pháp cho một hoặc các bên tham gia hợp đồng.

Thứ hai, bên mua và bên bán trong HĐMBHH.

2.2. Các trường hợp hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu

2.2.1. Hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội

Vậy thế nào là điều cấm của pháp luật? Đó là những quy định của pháp luật có nội dung không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định.

Về đạo đức xã hội, đó không phải là một khái niệm pháp lý, nó phụ thuộc vào nhiều yếu tố như văn hóa, lịch sử, kinh tế… Đạo đức xã hội là những chuẩn mực ứng xử chung giữa người với người trong đời sống xã hội, được cộng đồng thừa nhận và tôn trọng. Hành vi trái với với những chuẩn mực đó có thể coi là trái với đạo đức xã hội. Hai khái niệm này đã được nêu rõ trong nội dung Điều 128 BLDS 2005, và được nhắc lại cụ thể theo Điều 123 BLDS 2015.

Về nguyên tắc, một hợp đồng vi phạm điều cấm của pháp luật được hiểu là hợp đồng vi phạm một quy phạm pháp luật bắt buộc, được soạn thảo thông thường dưới dạng cấm làm một việc gì đó, hoặc dưới dạng không được làm hoặc phải làm một việc nào đó. Tuy nhiên theo

quy định của BLDS như trên là *"không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định"*, liệu có thể nói, các quy phạm mệnh lệnh soạn dưới dạng phải làm một việc nào đó không bị xem là điều cấm của pháp luật và vì vậy vi phạm các điều khoản này nhưng không dẫn tới hợp đồng vô hiệu?

2.2.2. Hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu do giả tạo

Theo như BLDS 2005 và BLDS 2015 Việt Nam quy định: *"Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che dấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch giả tạo vô hiệu, còn giao dịch bị che dấu vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp giao dịch đó cũng vô hiệu theo quy định của Bộ luật này. Trong trường hợp xác lập giao dịch giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba thì giao dịch dân sự đó vô hiệu"*[7]. Vậy giao dịch dân sự giả tạo là giao dịch mà trong đó việc thể hiện ý chí ra bên ngoài khác với ý chí nội tâm và kết quả của các bên tham gia giao dịch. Hiểu một cách đơn giản thì giao dịch dân sự giả tạo là giao dịch có nội dung được thiết lập không phản ánh đúng ý chí đích thực của các bên. Theo quy định trên thì giao dịch giả tạo có các trường hợp sau:

Một là, hợp đồng được xác lập giả tạo để che dấu một hợp đồng khác.

Hai là, hợp đồng giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba.

2.2.3. Hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện

Theo đó, HĐMBHH do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện không bị vô hiệu trong một số trường hợp sau: *"a) Giao dịch dân sự của người chưa đủ sáu tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu hàng ngày của người đó; b) Giao dịch dân sự chỉ làm phát sinh quyền hoặc chỉ miễn trừ nghĩa vụ cho người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự với người đã xác lập, thực hiện giao dịch với họ; c) Giao dịch dân sự được người xác lập giao dịch thừa nhận hiệu lực sau khi đã thành niên hoặc sau khi khôi phục năng lực hành vi dân sự."*

2.2.4. Hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu do bị nhầm lẫn

Theo quy định tại Điều 126 BLDS 2015: *"Trường hợp giao dịch dân sự được xác lập có sự nhầm lẫn làm cho một bên hoặc các bên không đạt được mục đích của việc xác lập giao dịch thì bên bị nhầm lẫn*

[7] *Điều 134 BLDS 2015.*

có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này".

Như vậy, cách hiểu của pháp luật Việt Nam về nhầm lẫn là do sự vô ý của một bên, nhưng thực chất hai bên đều mong muốn ký kết hợp đồng này một cách nghiêm túc và đúng luật.

2.2.5. Hợp đồng mua bán vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép

Thứ nhất, HĐMBHH vô hiệu do bị lừa dối.

Tuy nhiên, không phải bất kì hành vi cố ý đưa thông tin sai lệch, không đúng sự thật nào cũng đều bị coi là lừa dối và việc xác định có tồn tại hay không sự lừa dối trong giao kết hợp đồng phải có hai điều kiện: Một là một bên phải sử dụng thủ đoạn để lừa người khác, và hai là người kia phải nghe theo, làm theo một việc nào đó. Ví dụ, việc một người bán hàng giới thiệu không đúng sự thật về hàng hóa của mình hoặc người bán hàng nói giá quá cao thì không bị xem là lừa dối, bởi lẽ trong trường hợp này, người tiếp nhận thông tin không bị buộc phải kí hợp đồng nếu họ không muốn.

Thứ hai, HĐMBHH vô hiệu do bị đe dọa, cưỡng ép. Theo cách hiểu thông thường thì đe dọa là việc một người dùng hành động hoặc lời nói của mình tác động vào người khác làm cho người ta sợ hãi và miễn cưỡng thực hiện theo những gì mình muốn[8].

2.2.6. Hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu do người xác lập không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình

Theo Điều 133 BLDS 2005 và Điều 128 BLDS 2015 cho biết: *"Người có năng lực hành vi dân sự nhưng đã xác lập giao dịch vào đúng thời điểm không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình thì yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đó vô hiệu"*.

Trong trường hợp mua bán tài sản, năng lực của người mua cũng được xét vào lúc người này quyết định mua, nếu tại thời điểm tiếp nhận lời đề nghị của người bán, người này có đầy đủ năng lực nhưng khi quyết định mua thì mất năng lực hành vi thì HĐMBHH vô hiệu. Trái lại, đối với người bán, vì người này thỏa thuận bán ngay từ khi đưa ra lời đề nghị bán, dó đó thời điểm người mua chấp nhận đề nghị, người bán có mất năng lực hành vi thì cũng không ảnh hưởng đến giao dịch.

2.2.7. Hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu do không tuân thủ hình thức

HĐMBHH vô hiệu do vi phạm hình thức có các điều kiện sau:

Một là, pháp luật quy định hình thức giao dịch của HĐMBHH là điều kiện có hiệu lực của hợp đồng mà các bên không tuân theo.Ví dụ: HĐMBHH quốc tế phải lập thành văn bản.

---

[8] *[Từ điển tiếng Việt] https://vi.wiktionary.org/wiki/%C4%91e_d%E1%BB%8Da#Ti.E1.BA.BFng_Vi.E1.BB.87t*

Hai là, có yêu cầu tuyên bố HĐMBHH vô hiệu của một bên hoặc các bên.

Ba là, Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có quyết định bắt buộc các bên thực hiện quy định về hình thức trong một thời gian ấn định mà các bên không thực hiện.

Bốn là, việc yêu cầu tuyên bố HĐMBHH vô hiệu do vi phạm quy định về hình thức phải được tiến hành trong thời hiệu là 2 năm.

So với BLDS 2005, Điều 129 của BLDS 2015 quy định giao dịch dân sự vi phạm quy định điều kiện có hiệu lực về hình thức thì vô hiệu, trừ trường hợp sau đây:

- Giao dịch dân sự đã được xác lập theo quy định phải bằng văn bản nhưng văn bản không đúng quy định của luật mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó.

- Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó.

2.3. Hậu quả pháp lí của hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu

2.3.1. Hậu quả pháp lí đối với các bên tham gia hợp đồng

Theo Điều 131 BLDS 2015, một hợp đồng bị vô hiệu sẽ không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên từ thời điểm xác lập, và có hậu quả pháp lý cụ thể:

"1. Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập.

2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Trường hợp không thể hoàn trả được bằng hiện vật thì trị giá thành tiền để hoàn trả.

3. Bên ngay tình trong việc thu hoa lợi, lợi tức không phải hoàn trả lại hoa lợi, lợi tức đó.

4. Bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường.

5. Việc giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu liên quan đến quyền nhân thân do Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định."

2.3.2. Hậu quả pháp lí đối với người thứ ba liên quan đến hợp đồng

Thứ nhất, điều kiện để xác định người thứ ba ngay tình trong HĐMBHH vô hiệu.

Thứ hai, giải quyết hậu quả pháp lý.

BLDS 2015 đã quy định chi tiết đối tượng của giao dịch dân sự với người thứ ba ngay tình bao gồm: tài sản không phải đăng ký quyền sở hữu, tài sản đã được đăng ký quyền sở hữu thì tùy vào từng trường hợp cụ thể để xác định quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba ngay tình đối với tài sản.

Việc bảo vệ quyền của người thứ ba ngay tình trong HĐMBHH vô hiệu được áp dụng theo quy định tại Điều 133, Điều 167 BLDS 2015.

Tuy nhiên, BLDS 2015 lại chưa quy định trách nhiệm của chủ sở hữu trong việc chứng minh tư cách chủ sở hữu của mình, bởi về bản chất thì đối với động sản không đăng ký quyền sở hữu, pháp luật không bắt buộc người chiếm hữu phải biết việc chiếm hữu của người giao dịch là hợp pháp hay không.

2.4. Thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu

Thời hiệu yêu cầu Tòa án HĐMBHH vô hiệu được áp dụng theo thời hiệu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu, và được quy định tại Điều 132 BLDS 2015. Theo đó, thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố HĐMBHH vô hiệu được quy định từ Điều 125 đến Điều 129 của BLDS 2015 là hai năm, kể từ ngày:

- Người đại diện của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự biết hoặc phải biết người được đại diện tự mình xác lập, thực hiện HĐMBHH;
- Người bị nhầm lẫn, bị lừa dối biết hoặc phải biết giao dịch được xác lập do bị nhầm lẫn, do bị lừa dối;
- Người có hành vi đe dọa, cưỡng ép chấm dứt hành vi đe dọa, cưỡng ép;
- Người không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình xác lập giao dịch;
- HĐMBHH được xác lập trong trường hợp hợp đồng không tuân thủ quy định về hình thức.

Hết thời hiệu quy định trên mà không có yêu cầu tuyên bố HĐMBHH vô hiệu thì hợp đồng vẫn có hiệu lực.

Đối với HĐMBHH thuộc quy định tại Điều 123 và Điều 124 BLDS 2015 thì thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố HĐMBHH vô hiệu không bị hạn chế.

Bên cạnh BLDS thì Luật Thương mại 2005 cũng có quy định: *"Thời hiệu khởi kiện áp dụng đối với các tranh chấp thương mại là hai năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm"*.

Chương 3
THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA VÔ HIỆU

3.1. Thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật hiện hành về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu

3.1.1. Kết quả đạt được qua việc áp dụng pháp luật về HĐMBHH vô hiệu ở Việt Nam

Một là, trên cơ sở các quy định cụ thể về chủ thể, đối tượng, các trường hợp HĐMBHH vô hiệu cũng như cách xử lý khi HĐMBHH vô hiệu trong BLDS 2005 đã tạo điều kiện để các bên chủ thể khi tham gia giao kết hợp đồng dự liệu những khả năng để hạn chế HĐMBHH vô hiệu và bảo vệ quyền lợi của mình. Đồng thời, là cơ sở pháp lý vững chắc để cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết khi có tranh chấp xảy ra. Qua đó, góp phần hạn chế các tranh chấp về HĐMBHH bị tuyên vô hiệu trên thực tế.

Hai là, ngoài các quy định của Việt Nam về HĐMBHH vô hiệu thì Việt Nam cũng đã tích cực tham gia các công ước song phương và đa phương về kinh doanh thương mại, việc tham gia các công ước như vậy đã giúp cho các doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình kinh doanh mua bán hàng hóa có yếu tố nước ngoài.

3.1.2. Những hạn chế trong việc áp dụng các quy định của BLDS 2005 và các văn bản có liên quan về HĐMBHH vô hiệu

3.1.2.1. Hạn chế từ quy định pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu

Thứ nhất, nguồn quy định của pháp luật.

Thứ hai, quy định về định nghĩa giao dịch dân sự vô hiệu.

Thứ ba, quy định về HĐMBHH vô hiệu do vi phạm điều cấm pháp luật về đạo đức xã hội (Điều 123 BLDS 2015).

Thứ tư, quy định về HĐMBHH vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức của hợp đồng.

Thứ năm, quy định về hậu quả của HĐMBHH vô hiệu.

Hậu quả của HĐMBHH vô hiệu dựa trên quy định về giao dịch dân sự vô hiệu tại Điều 137 BLDS 2005 (Điều 131 BLDS 2015): "*Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền"*, theo tác giả điều này còn nhiều hạn chế.

Thứ sáu, quy định về thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên HĐMBHH vô hiệu.

Tại Điều 136 BLDS 2005 quy định 2 năm kể từ ngày: "*Thời hiệu yêu cầu Toà án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu được quy định tại các điều từ Điều 130 đến Điều 134 của Bộ luật này là hai năm, kể từ ngày giao dịch dân sự được xác lập"*. Quy định này có nghĩa là sau 2 năm kể từ ngày xác lập hợp đồng mà mới xảy ra tranh chấp thì các bên không có quyền yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Vậy sau 2 năm các bên mới phát sinh tranh chấp và khởi kiện ra tòa án, Trên thực tế thì khi có trường hợp này tòa án sẽ trả lại đơn do hết thời hiệu.

Thứ bảy, BLDS 2005 có quy định về giao dịch dân sự vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức.

Theo ý kiến tác giả đề nghị tiếp tục duy trì quy định như BLDS hiện hành để bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật.

3.1.2.2. Hạn chế trong việc áp dụng pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu

Để hiểu rõ hơn thực tiển áp dụng quy định của pháp luật Việt Nam về HĐMBHH vô hiệu thì tác giả sẽ phân tích bản án liên quan và quan điểm của tác giả đối với các loại HĐMBHH sau:

- *HĐMBHH vô hiệu do bị lừa dối*
- *Hợp đồng vô hiệu do vi phạm về nội dung*
- *Hợp đồng vô hiệu do vi phạm về hình thức*

3.2. Nhu cầu và một số giải pháp hoàn thiện pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu

3.2.1. Nhu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu trong kinh doanh thương mại

Thứ nhất, nhu cầu phát triển kinh tế, đẩy mạnh lưu thông hàng hóa trong nền kinh tế thị trường.

Thứ hai, nhu cầu hội nhập quốc tế.

Thứ ba, nhu cầu bảo vệ các chủ thể.

3.2.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện các pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu

3.2.2.1. Kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu

Thứ nhất, cần hoàn chỉnh quy định về HĐMBHH trong Luật Thương mại.

Thứ hai, quy định về định nghĩa giao dịch dân sự vô hiệu.

Thứ ba, quy định về HĐMBHH vô hiệu do vi phạm điều cấm pháp luật và đạo đức xã hội (Điều 123 BLDS 2015).

Thứ tư, quy định về HĐMBHH vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức.

Thứ năm, quy định về hậu quả của HĐMBHH vô hiệu.

Để hạn chế những bất cập tại Điều 131 BLDS 2005 như đã phân tích. Thì tác giả đồng tình với cách quy định về hậu quả và cách giải quyết hậu quả theo như khoản 2, 3, 4, 5, của Điều 131 BLDS 2015 theo đó ta có thể sổ sung như sau :

- *Khoản 2*: Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau tài sản đã nhận, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ việc thực hiện giao dịch dân sự sau khi trừ đi các chi phí hợp lý trong thực hiện giao dịch dân sự và chi phí làm phát sinh, bảo quản hoặc phát triển tài sản, hoa lợi, lợi tức**.** Việc hoàn trả được thực hiện bằng hiện vật. Trường hợp không hoàn trả được bằng hiện vật thì được tính giá trị thành tiền để thanh toán;

- *Khoản 3:* Bên ngay tình trong việc thu hoa lợi, lợi tức không phải hoàn trả lại hoa lợi, lợi tức đó;

- *Khoản 4*: Bên bị thiệt hại vì hành vi trái pháp luật của bên kia được bồi thường;

- *Khoản 5:* Việc giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu liên quan đến các quyền nhân thân do luật có liên quan quy định;

- *Khoản 6*: Các bên không được nhận lại tài sản, hoa lợi, lợi tức nếu theo quy định của pháp luật những tài sản này bị tịch thu, sung vào công quỹ nhà nước. Theo tác giả việc quy định như vậy đã giải quyết được những vướng mắc và những hạn chế mà tác giả phân tích ở phần trên trong việc giải quyết hậu quả của HĐMBHH vô hiệu. Hướng giải quyết như vậy bảo vệ được quyền lợi cho các chủ thê khi tham gia quan hệ HĐMBHH không may bị vô hiệu. Giúp cho các cơ quan nhà nước dễ dàng xử lý và thực thi giải quyết vấn đề hậu quả do vô hiệu của loại hợp đồng này được thuận lợi hơn.

Thứ sáu, cần sửa đổi thời hiệu yêu cầu tuyên bố HĐMBHH vô hiệu**.**

Thứ bảy, cần có sự thống nhất các văn bản pháp luật.

Thứ tám, quy định HĐMBHH vô hiệu do không đúng thẩm quyền và không đăng ký kinh doanh.

Bên cạnh đó, vấn đề vô hiệu không đúng thẩm quyền theo tác giả nên quy định xử phạt hành chính chứ không nên tuyên vô hiệu, bởi vì hợp đồng sinh ra là nơi thống nhất ý chí của các bên chứ không phải sinh ra để tuyên vô hiệu.

3.2.2.2. Giải pháp về tổ chức thực hiện pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu

Thứ nhất, đối với các cơ quan có thẩm quyền.

Để hoàn thiện hơn việc quản lí của Nhà nước đối với HĐMBHH theo tác giả, cần phải:

Thực thi và hoàn thiện hơn BLDS 2015, Luật Thương mại 2005, ban hành và chỉnh sửa các văn bản điều chỉnh quan hệ MBHH có mâu thuẫn sẽ giúp cho việc tuyên bố và xử lý hậu của HĐMBHH vô hiệu giữa các Tòa án sẽ chính xác và thống nhất.

Nên quy định cụ thể hơn đối với hệ thống án lệ và việc áp dụng án lệ để khi có vụ án giống nhau thì tòa án cấp dưới sẽ dựa vào đó để giải quyết, vừa đảm bảo được tính chính xác, công bằng vừa không mất thời gian của Tòa cấp trên.

Về phía Tòa án thì cần nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho các Thẩm phán và đội ngũ cán bộ Tòa án; mở các lớp tập huấn, hội thảo giúp cán bộ Tòa có cái nhìn sâu rộng và bao quát hơn trong cách giải quyết và xử lý loại án này.

Ngoài ra thì Việt Nam cũng có các trung tâm Trọng tài thương mại ổn định, hoạt động có hiệu quả, nhưng cần hoàn thiện hơn nữa tổ chức này.

Thứ hai, đối với các chủ thể ký kết hợp đồng.

- *Người tham gia ký kết hợp đồng*

+ Mở những lớp tập huấn nghiệp bồi dưỡng, nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật nói chung và pháp luật về HĐMBHH, kỹ năng tìm hiểu đối tác, soạn thảo, ký kết hợp đồng cho nhân viên, nhất là nhân viên phòng tổ chức kinh doanh.

+ Mỗi công ty nên có một phòng pháp chế chuyên quản lý về việc tìm hiểu đối tác và soạn thảo hợp đồng, để công việc được tập trung hơn không rời rạc.

+ Trước khi ký kết cần có sự tư vấn từ các văn phòng luật uy tín.

+ Trước khi ký kết HĐMBHH nên yêu cầu đối tác chuyển hồ sơ pháp lý của đối tác để thẩm tra. Cẩn trọng hơn có thể đề nghị bên thứ ba tham gia thẩm tra.

+ Khi ủy quyền cần phải có văn bản ủy quyền.

- *Chủ thể trực tiếp giao kết hợp đồng*

Đại diện thay mặt doanh nghiệp ký kết, một lần nữa kiểm tra kỹ tư cách chủ thể của đối tác giao kết hợp đồng, cần nắm rõ người có thẩm quyền ký kết. Nếu là đại diện ủy quyền thì phải kiểm tra văn bản ủy

quyền. Nếu không có đủ tư cách thì phải dừng lại ngay việc ký kết để tiếp tục xác minh và yêu cầu phía đối tác ký hợp đồng cho đúng chủ thể.

Khi ký kết với đối tác nước ngoài còn cần chú trọng về phong cách đàm phán, ký kết của từng đối tác. Nếu không biết tiếng của đối tác nên cần có phiên dịch, không nên phụ thuộc vào người phiên dịch của đối tác.

- Hình thức và nội dung của hợp đồng

Pháp luật quy định nhiều hình thức hợp đồng, nhưng các doanh nghiệp khi tham gia giao kết hợp đồng nên ký kết HĐMBBH bằng văn bản nhằm bảo vệ quyền và lợi ích cho mình sau này. Đặt biệt HĐMBHH quốc tế thì bắt buộc phải ký kết bằng văn bản, nên nắm rõ quy định này tránh trường hợp đáng tiếc xảy ra. Khi ký kết thì cần chuẩn bị thật kỹ các thủ tục cần thiết để ký kết hợp đồng, đặc biệt là cần chuẩn bị chặt chẽ và chi tiết về vấn đề nội dung, nhất là các điều khoản trong hợp đồng cần phải được quy định rõ và cụ thể càng chi tiết càng tốt. *Ví dụ:* giá cả, thời điểm chuyển rủi ro, vấn đề giải quyết tranh chấp… khi tham gia hợp đồng phải tuân thủ các nguyên tắc theo luật quy định.

Bốn là, căn cứ giao kết hợp đồng.

Doanh nghiệp, chủ thể tham gia ký kết hợp đồng phải tìm hiểu kỹ về các văn bản luật, điều ước quốc tế điều chỉnh tới hợp đồng mà mình cần ký kết, để áp dụng cho đúng quy định pháp luật và bảo vệ quyền lợi cho doanh nghiệp.

PHẦN KẾT LUẬN

Thương mại nói chung và mua bán hàng hóa nói riêng ngày càng có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế của bất kỳ quốc gia, vùng, lãnh thổ nào. Các quốc gia luôn chú trọng ban hành các chính sách ưu tiên, hỗ trợ để phát triển thương mại, cũng như hỗ trợ doanh nghiệp trong việc làm ăn, tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế. Để thúc đẩy kinh tế, giao thương hàng hóa thì việc các thương nhân ký kết các HĐMBHH là điều cần thiết.

Giao kết HĐMBHH, phần lớn trường hợp là các bên mong muốn thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng để đạt được lợi ích cao nhất. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng cũng có thể xảy ra trường hợp một bên hoặc các bên vi phạm hợp đồng như: không thực hiện đúng, không thực hiện đầy đủ, chậm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng. Thậm chí, không ít trường hợp một bên cố tình vi phạm hợp đồng nhằm đạt được các mục đích riêng họ, hoặc hợp đồng vô hiệu toàn bộ, từng phần.

Để bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia quan hệ mua bán hàng hóa, pháp luật về HĐMBHH luôn đóng vai trò quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Bởi vì, ngoài việc bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ cho các bên mua bán hàng hóa, các quy định về chế độ trách nhiệm bồi hoàn (hoàn trả) do HĐMBHH vô hiệu hoặc bị tuyên vô hiệu còn là công cụ pháp lý hữu hiệu để nhà nước điều chỉnh và củng cố kỷ luật hợp đồng, răn đe đối tượng mưu cầu trục lợi bằng việc cố tình vi phạm HĐMBHH, là phương tiện để các thương nhân lưu ý khi giao kết HĐMBHH, tránh tối đa việc ký kết HĐMBHH vô hiệu.

Trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ HĐMBHH được quy định trong pháp luật quốc gia và nếu là HĐMBHH quốc tế thì được điều chỉnh bằng pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế. Pháp luật quốc gia là Luật Thương mại 2005, BLDS 2015, BLDS 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản pháp luật có liên quan. Pháp luật quốc tế bao gồm các điều ước về thương mại quốc tế đa phương, song phương, các tập quán thương mại quốc tế, trong đó đáng kể nhất và được áp dụng rộng rãi nhất là công ước Viên năm 1980 về HĐMBHH quốc tế.

BLDS 2015, BLDS 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Luật Thương mại 2005 về cơ bản đã tạo thành một hành lang pháp lý điều chỉnh hoạt động mua bán hàng hóa nói chung và HĐMBHH quốc tế nói riêng, quy định khung pháp lý đối với vấn đề trách nhiệm do vi phạm HĐMBHH, quy định trách nhiệm của các bên đối với HĐMBHH vô

hiệu và cách thức giải quyết hậu quả phát sinh. Tuy nhiên các văn bản này vẫn còn chưa thống nhất và thiếu sự đồng bộ, nhất là trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, hoạt động mua bán hàng hóa trong và ngoài nước ngày càng phát triển. Việc nghiên cứu pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu trong kinh doanh thương mại là cần thiết. Tác giả mong muốn kết quả của việc nghiên cứu này ít nhiều giúp các doanh nghiệp (các thương nhân) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, mua bán hàng hóa có cái nhìn toàn diện về các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình, đặc biệt là vấn đề trách nhiệm do ký kết HĐMBHH vô hiệu hoặc thực thi nghĩa vụ do hậu quả của HĐMBHH vô hiệu, đồng thời bảo vệ được quyền lợi và tránh được các rủi ro trong quan hệ mua bán hàng hóa khi HĐMBHH bị vô hiệu.

Với thời gian và trình độ hiểu biết còn hạn chế của học viên, luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả mong muốn nhận được nhiều ý kiến chỉ dẫn, góp ý của thầy, cô giáo, các nhà khoa học, các nhà chuyên môn, của các bạn cùng nghiên cứu luật học để tác giả rút kinh nghiệm, tiếp thu nhằm hoàn thiện luận văn, cũng như lấy làm bài học phục vụ trong công việc.